

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2020/DS-ST**
Ngày: 30 - 9 - 2020
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Thế Hùng.
2. Phạm Viết Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số 04/2017/TLST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2017. Về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-DS ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1958. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn DL, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T1, sinh năm: 1957. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn DL, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1960. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn YH, xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Phạm Hoài N, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ: Phường PC, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị Phạm Thị B, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 8, xã HT, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

4. Chị Phạm Thị D1, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn ST, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

5. Chị Phạm Thị D2, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn DL, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2017, bản tự khai ngày 05/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bố mẹ đẻ của bà H là ông Phạm Ngọc M, sinh năm: 1937 và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1934. Ông bà sinh được 02 người con là bà và ông Phạm Đức V, sinh năm: 1957. Bà Nguyễn Thị Ph chết ngày 20/5/2007. Sau khi bà Ph chết, năm 2008, ông M kết hôn với bà Trần Thị T2, sinh năm: 1960. Ông Phạm Ngọc M, chết ngày 25/9/2016. Ông Phạm Đức V chết ngày 22/12/2011. Ông Phạm Đức V có vợ là bà Phạm Thị T1, sinh năm: 1957. Vợ chồng ông V, bà T1 có 04 người con là: Phạm Hoài N, sinh năm: 1981; Phạm Thị B, sinh năm: 1983; Phạm Thị D1, sinh năm: 1986 và Phạm Thị D2, sinh năm: 1988.

Ông Phạm Ngọc M và bà Nguyễn Thị Ph chết không để lại di chúc. Ông M, bà Ph để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, thửa đất số 245, tờ bản đồ số 3 (bản đồ địa chính xã ĐH), diện tích 765 m², tại thôn DL, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Thửa đất này, bố mẹ bà được nhà nước giao từ những năm 1960. Trên đất có ngôi nhà cấp bốn do bà Ph xây từ năm 1968, lúc đó ông M đang đi bộ đội. Ngôi nhà hiện nay đã xuống cấp trầm trọng, không còn giá trị sử dụng. Ông V sau khi lập gia đình, vợ chồng ông V và con cái cũng ở trên nhà này. Còn bà lập gia đình và ra ở riêng. Khi ông M còn sống, ông V đã nhiều lần chửi bới, đánh đập ông M. Vì vậy, sau khi ông M kết hôn với bà Ph, ông M đã về chung sống với bà Ph, tại thôn Yên Hoàn, xã Định Tân, huyện Yên Định. Từ khi ông M kết hôn với bà Ph, vợ chồng ông V, bà T1 là người quản lý, sử dụng thửa đất và ngôi nhà. Mặc dù là tài sản của ông M, bà Ph, nhưng ông V đã tự ý làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ), không được sự đồng ý của ông M. Hộ ông Phạm Đức V được UBND huyện cấp Giấy CNQSDĐ số AI 139739 ngày 16/8/2007. Sau khi biết sự việc, ông M đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Yên Định yêu cầu thu hồi Giấy CNQSDĐ cấp cho hộ ông V. Sau khi thanh tra, xác minh nguồn gốc đất, ngày 31/7/2012, Chủ tịch UBND huyện Yên Định đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1139/QĐ-UBND chấp nhận khiếu nại của ông M, quyết định thu hồi Giấy CNQSDĐ số AI 139739 ngày 16/8/2007. UBND huyện Yên Định yêu cầu bà T1 nộp lại Giấy CNQSDĐ nhưng bà T1 cố tình không nộp. Ngày 19/9/2016, UBND huyện Yên Định ban hành quyết định số 1422/QĐ-UBND hủy Giấy CNQSDĐ số AI 139739 ngày 16/8/2007 cấp cho hộ ông Phạm Đức V (vợ là bà Phạm Thị T1). Sau khi nhận được thông báo, ông M chưa kịp làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ thì ông M đã chết.

Mặc dù di sản chưa chia nhưng ông V, bà T1 đã tự ý xây dựng nhà ở, công trình phụ và xây tường bao quanh $\frac{1}{2}$ diện tích đất phía Nam, giáp đường thôn. Các công trình ông V, bà T1 đã xây dựng gồm nhà lớn, nhà ngang, nhà tắm, nhà vệ sinh, khu chăn nuôi, cổng, tường rào bao quanh. Phần đất còn lại có ngôi nhà cấp bốn cũ của ông M, bà Ph xây dựng, bà H vẫn qua lại thăm nom, thờ cúng bố mẹ.

Bà H khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà xin được nhận đất, để xây nhà thờ, thờ cúng bố mẹ.

- Tại đơn đề nghị ngày 14/7/2017, bị đơn bà Phạm Thị T1 trình bày:

Bố mẹ chồng bà T1 là ông Phạm Ngọc M và bà Nguyễn Thị Ph sinh được 02 người con là ông Phạm Đức V và bà Phạm Thị H. Tháng 01/1979, bà H xuất giá lấy chồng. Ngày 02/5/1979, bà T1 xây dựng gia đình với ông V. Lúc này, chỉ có ông M, bà Ph và vợ chồng bà T1 sống trên mảnh đất bà T1 đang ở với diện tích 765m² (theo Giấy CNQSDĐ cấp ngày 16/8/2007). Đến năm 1983, ông M, bà Ph cho vợ chồng bà T1 được toàn quyền sử dụng mảnh đất trên, còn ông M, bà Ph xin đất làm nhà nơi khác. Vợ chồng bà T1 sử dụng mảnh đất trên đến nay đã được 30 năm. Vợ chồng bà T1 sinh được bốn người con: Phạm Hoài N, sinh năm: 1981; Phạm Thị B, sinh năm: 1983; Phạm Thị D1, sinh năm: 1986 và Phạm Thị D2, sinh năm: 1988.

Từ khi ông M, bà Ph giao cho vợ chồng bà T1 sử dụng mảnh đất trên, vợ chồng bà T1 đã đóng góp thuế nhà đất và các khoản đóng góp khác đều chấp hành nghiêm chỉnh. Vợ chồng bà T1 đã được cấp Giấy CNQSDĐ số AI-139379, thửa số 245, tờ bản đồ số 3. Ngày 04/7/2017, Tòa án nhân dân huyện Yên Định đến nhà bà T1 làm việc, thì bà T1 được biết có quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND huyện Yên Định hủy Giấy CNQSDĐ của gia đình bà T1. Quyết định mà Tòa án đang có chỉ là bản phô tô, không phải bản gốc.

Gia đình bà T1 thấy việc UBND huyện Yên Định ra quyết định hủy Giấy CNQSDĐ của ông V và bà T1 là không đúng pháp luật. UBND huyện Yên Định ra quyết định hủy Giấy CNQSDĐ dựa trên cơ sở nào? UBND xã ĐH, cán bộ địa chính xã ĐH lập tờ trình đề nghị UBND huyện là không có cơ sở pháp lý, trái với quy định của Luật đất đai. UBND huyện Yên Định hủy Giấy CNQSDĐ, gia đình bà T1 không được biết và không nhận được quyết định nêu trên. Theo bà T1 hiểu UBND xã ĐH, cán bộ địa chính xã ĐH lập tờ trình UBND huyện là hoàn toàn không đúng sự thật vì nguồn gốc đất giống như bà T1 đã trình bày ở trên. Ông Phạm Đức V chết ngày 22/12/2011, nhưng Giấy CNQSDĐ lại được cấp từ ngày 16/8/2007.

Sau khi biết Tòa án có quyết định hủy Giấy CNQSDĐ, bà T1 đã báo cáo lãnh đạo xã ĐH. Lãnh đạo xã đã tìm ra ông Vinh là cán bộ địa chính xã ĐH không

biết vì mục đích gì đã giả mạo về văn bản cũng như chữ ký của Phó Chủ tịch xã ĐH để làm báo cáo UBND huyện ra quyết định hủy Giấy CNQSDĐ. Khi huyện ra quyết định hủy Giấy CNQSDĐ thì ông Vinh cầm về không báo cáo xã mà chỉ bà H biết phô tô nộp cho Tòa án. Đến nay lãnh đạo xã mới biết ông Vinh đã giả mạo toàn bộ văn bản và chữ ký để nộp lên huyện.

Bà T1 đã làm đơn đề nghị xã, huyện làm rõ vụ việc ông Vinh đã làm như trên, xã đã họp Thường vụ và Hội đồng nhân dân phát tin trên Đài truyền thanh xã. Hiện nay, huyện đang về làm việc về nội dung này. Vì vậy, bà T1 đề nghị Tòa án nhân dân huyện dừng vụ án của bà Phạm Thị H khởi kiện.

- Tại bản tự khai ngày 16/6/2017, Biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị T2 trình bày:

Ông Phạm Ngọc M kết hôn với bà Nguyễn Thị Ph sinh được 02 người con là ông Phạm Đức V, sinh năm: 1957 và bà Phạm Thị H, sinh năm: 1958. Bà Ph chết năm 2007. Năm 2008, ông M kết hôn với bà T2. Sau khi kết hôn, ông M về sống với bà T2 tại thôn Yên Hoàn, xã Định Tân cho đến khi ông M chết vào năm 2016.

Bà T2 được biết vợ chồng ông M, bà Ph có tạo dựng được 01 thửa đất khoảng 800m² và 01 căn nhà 05 gian tại thôn DL, xã ĐH, huyện Yên Định. Khi ông M về sống với bà T2, thì ông M giao nhà, đất cho ông V quản lý. Ông V xây nhà ở trên một phần đất, phần còn lại để trống. Quá trình chung sống với ông M, bà T2 chưa biết hoặc nghe qua việc ông M bán hoặc tặng cho ai thửa đất trên. Trong quá trình sử dụng, không biết vì lý do gì ông Phạm Đức Viết được cấp Giấy CNQSDĐ. Khi ông M, ông V còn sống, ông M đã nhiều lần khiếu nại lên UBND xã ĐH và UBND huyện Yên Định về việc đất của ông M nhưng lại cấp Giấy CNQSDĐ cho ông V mà không được sự đồng ý của ông M. UBND xã ĐH và UBND huyện Yên Định đã giải quyết nhiều lần. Tại Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 và Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 19/9/2016, UBND huyện Yên Định đã hủy Giấy CNQSDĐ cấp cho ông V và vợ là bà T1, để làm lại Giấy CNQSDĐ cho ông M.

Nay bà H khởi kiện chia thừa kế, bà T2 đồng ý chia thừa kế. Đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Phần thừa kế của bà T2, bà T2 xin nhận bằng tiền, không nhận đất. Tòa án chia đất cho người thừa kế nào, thì người đó có trách nhiệm thanh toán lại phần giá trị cho bà T2.

- Tại bản tự khai ngày 28/12/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Hoài N trình bày:

Bố anh N là ông Phạm Đức V, sinh năm: 1957, đã chết ngày 22/12/2011. Mẹ anh N là bà Phạm Thị T1, sinh năm: 1957, hiện đang cư trú tại thôn DL, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Ông V, bà T1 sinh được bốn người con: Phạm Hoài N, sinh năm: 1981; Phạm Thị B, sinh năm: 1983; Phạm Thị D1, sinh năm: 1986 và Phạm Thị D2, sinh năm: 1988. Anh N là cháu ruột của bà Phạm Thị H, sinh năm: 1958. Bà H là em gái ruột của ông V.

Hiện nay, bà H đang khởi kiện bà T1 yêu cầu chia di sản thừa kế của ông M, bà Ph là mảnh đất bà T1 đang sinh sống.

Anh N cho rằng bà H khởi kiện là không có căn cứ. Bởi vì năm 1968, bà Ph lên UBND xã ĐH xin đất để ở. Lúc này, ông M đang đi bộ đội không có nhà. Do vậy, ông M không được cấp đất tại thôn DL, xã ĐH. Năm 1979, bà H xuất giá lấy chồng. Ngày 02/5/1979, bà T1 xây dựng gia đình với ông V. Ngày 22/11/2011, ông V chết. Năm 1983, bà Ph và ông V đến UBND xã ĐH, bà Ph đã làm thủ tục chuyển nhượng đất cho ông V và đã được UBND xã ĐH đồng ý. Năm 1985, UBND xã ĐH lập hồ sơ 299, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 5, diện tích 690m², đứng tên chủ sử dụng đất là ông Phạm Đức V. Ngày 16/8/2007, UBND huyện Yên Định cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Phạm Đức V. Quyết định số 1282 của UBND huyện Yên Định (ông Hoàng Văn Phúc ký ngày 01/8/2017) hủy Giấy CNQSDĐ cấp cho ông Phạm Đức V với lý do cấp Giấy CNQSDĐ cho người đã chết như vậy là không đúng pháp luật. Vì Giấy CNQSDĐ cấp cho ông V ngày 16/8/2007, còn ông V chết ngày 22/11/2011. Như vậy cấp Giấy CNQSDĐ cho ông V khi đó ông V còn sống. Quyết định số 1422 của UBND huyện Yên Định (bà Ngô Thị Hoa ký ngày 19/6/2016) hủy Giấy CNQSDĐ của ông Phạm Đức V với lý do cấp Giấy CNQSDĐ cho người đã chết là không đúng pháp luật. Vì Giấy CNQSDĐ cấp cho ông V khi ông V còn sống.

Từ năm 1983 đến nay, thửa đất ông V, bà T1 đang ở đều do ông V, bà T1 nộp tiền thuê đất và trồng cây ăn quả.

Anh N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định nghiên cứu, tìm hiểu, xác minh, điều tra để giải quyết vụ án một cách khách quan, đúng pháp luật, bảo vệ quyền lợi cho công dân.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị B trình bày:

Bố chị B là ông Phạm Đức V. Mẹ chị B là bà Phạm Thị T1. Ông V, bà T1 sinh được bốn người con: Phạm Hoài N; Phạm Thị B; Phạm Thị D1 và Phạm Thị D2. Chị B là cháu ruột của bà Phạm Thị H. Hiện nay, bà H đang khởi kiện bà T1 yêu cầu chia thừa kế tài sản của của ông Phạm Ngọc M và bà Nguyễn Thị Ph theo pháp luật. Bà H cho rằng mảnh đất bà T1 đang sinh sống là di sản thừa kế của ông

Phạm Ngọc M và bà Nguyễn Thị Ph. Quan điểm của chị B cho rằng từ khi chị lớn lên thì mảnh đất đó là của bố mẹ chị. Còn ông M, bà Ph ở nơi khác sau đó mới chuyển về đất của bố mẹ chị để ở. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, chị B không đồng ý chia thừa kế vì đất đó không phải đất của ông M, bà Ph để lại mà là đất của bố mẹ chị.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị Phạm Thị D1 và chị Phạm Thị D2 đến Tòa án để lấy lời khai, nhưng chị D1, chị D2 cố tình không đến. Vì vậy không có lời khai của chị D1 và chị D2 trong hồ sơ vụ án.

- *Quá trình xác minh, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với các tài sản thể hiện như sau:*

+ Theo bản đồ 299 xã ĐH lập năm 1985, thửa đất bà H yêu cầu chia thừa kế là thửa đất số 81, tờ bản đồ số 5, diện tích $690m^2$, đứng tên chủ sử dụng đất là ông Phạm Đức V.

+ Theo hồ sơ địa chính xã ĐH lập năm 2002, thửa đất bà H yêu cầu chia thừa kế là thửa đất số 245, tờ bản đồ số 3, diện tích $765m^2$, đứng tên chủ sử dụng đất là ông Phạm Đức V.

+ Theo Giấy CNQSDĐ số AI 139739 cấp ngày 16/8/2007 (đã bị hủy), thửa đất bà H yêu cầu chia thừa kế là thửa đất số 245, tờ bản đồ số 3, diện tích $765m^2$.

+ Theo bản đồ địa chính xã ĐH đo đạc năm 2013, thửa đất bà H yêu cầu chia thừa kế là thửa đất số 281, tờ bản đồ số 20, diện tích $817m^2$.

+ Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/5/2018 và sơ đồ đo vẽ hiện trạng thửa đất ngày 30/5/2018, thể hiện: Thửa đất số 231, tờ bản đồ số 20, diện tích $783m^2$. Trên nửa phần đất phía Bắc giáp hộ ông Lê Văn Cầu có 01 ngôi nhà cấp bốn 05 gian lợp ngói, xây tường, cột gỗ, diện tích $65,6m^2$. Trên nửa phần đất phía Nam giáp đường thôn có các công trình: 01 nhà 04 gian lợp ngói gạch chênh; 01 nhà 03 gian lợp prô-xi-măng; 01 khu nhà tắm, nhà vệ sinh đồ bằng; 01 khu chuồng trại chăn nuôi lợp prô-xi-măng; tường rào bao quanh.

+ Tại biên bản định giá tài sản ngày 28/6/2018, Hội đồng định giá đã định giá các tài sản như sau:

01 thửa đất số 231, tờ bản đồ 20, diện tích $783m^2$ có giá là 234.900.000đ, tính theo đơn giá đất quy định tại Quyết định số 4925 ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa là $300.000đ/m^2$.

01 nhà 05 gian lợp ngói xây tường cột gỗ có giá là 13.430.000đ.

Ngoài ra, Hội đồng định giá còn định giá các tài sản nằm trên phần đất phía Nam do bà T1 xây dựng và đang sử dụng gồm: Nhà 04 gian, nhà 03 gian, nhà tắm, nhà vệ sinh, sân gạch, tường rào.

+ Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/8/2020 và sơ đồ đo vẽ hiện trạng tài sản ngày 26/8/2020 thể hiện: Thửa đất số 231, tờ bản đồ số 20, diện tích 775,6m². Trên nửa phần đất phía Nam giáp đường thôn, bà Phạm Thị T1 đã xây dựng nhà ở, công trình kiên cố và xây tường rào bao quanh. Tổng diện tích phần đất bà T1 đã xây dựng công trình và xây tường rào bao quanh là 387m². Trên nửa phần đất còn lại phía Bắc giáp hộ ông Cầu - Nga có ngôi nhà cấp bốn 05 gian lợp ngói do ông M, bà Ph xây dựng từ năm 1968. Năm 2018, Hội đồng định giá đã định giá ngôi nhà là 13.430.000đ. Tuy nhiên sau mấy năm không có người ở, đến thời điểm hiện tại, nhà đã dột nát, sập đổ, không còn giá trị sử dụng. Phía Tây giáp hộ ông Giáo - Đoàn, phần đất trống có tường xây đá vôi dài 14,7m. Tường này do ông M, bà Ph xây từ lâu, đã cũ, không còn giá trị. Phía Bắc có tường rào do nhà ông Cầu - Nga xây dựng. Toàn bộ tường rào bao quanh phần đất bà T1 đang sử dụng là do bà T1 xây dựng.

- *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn bà Phạm Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị HĐXX chia thừa kế di sản thừa kế của ông Phạm Ngọc M và bà Nguyễn Thị Ph là thửa đất số 231, tờ bản đồ số 20 (bản đồ địa chính xã ĐH năm 2013) theo quy định của pháp luật. Đối với ngôi nhà cấp bốn 05 gian và bức tường rào phía Tây giáp hộ ông Giáo - Đoàn do ông M, bà Ph xây dựng, nay đã cũ, không còn giá trị nên bà H không yêu cầu chia các tài sản này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị T2 vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản của ông M, bà Ph theo quy định của pháp luật. Phần thừa kế bà được hưởng bà xin được nhận giá trị bằng tiền, không nhận đất.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trước giờ xét xử, Viện kiểm sát nhận được tài liệu là hồ sơ Thanh tra huyện giải quyết khiếu nại về đất đai của ông Phạm Ngọc M năm 2012 từ Tòa án chuyển đến, trong đó có biên bản hòa giải ngày 25/5/2012. Trong biên bản này có thể hiện ông M cho bà T1 một nửa phần đất của ông M nhưng không có diện tích ranh giới cụ thể. Vì vậy, đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ.

Sau khi HĐXX xem xét, thảo luận về ý kiến của đại diện VKS, HĐXX xét thấy việc tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ là không cần thiết nên HĐXX tiếp tục xét xử. HĐXX đề nghị đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án nhưng đại diện VKS tại phiên tòa không có ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết nội dung về vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về ý kiến đề nghị tạm ngừng phiên tòa:

Tại phiên tòa đại diện VKS đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ số diện tích đất ông M cho bà T1 để làm cơ sở phân chia thừa kế. Nghiên cứu biên bản hòa giải ngày 25/5/2012 tại UBND xã ĐH, HĐXX xét thấy:

Việc ông M đồng ý giao phần đất gắn liền với nhà của bà T1 mà có tường rào xây ngăn cách lâu nay đang sử dụng cho bà T1 sử dụng là giao cho sử dụng chứ không phải cho quyền sử dụng đất. Vì số diện tích đất trên là tài sản của ông M và bà Ph. Bản thân ông M không có quyền định đoạt khối tài sản chung có cả phần di sản thừa kế chưa chia. Vì cho sử dụng nên ông M không bàn giao ranh giới số liệu các cạnh và diện tích cụ thể. Mặt khác, việc cho bà T1 sử dụng là cho có điều kiện bà T1 và anh N phải khôi phục hoàn thiện lại 03 gian nhà của ông như ban đầu và làm lại bát nhang của ông bà tổ tiên cho gia đình ông mà trước đây bà T1 và anh N đã phá bỏ và bàn giao đầy đủ vào tháng 5/2012. Tuy nhiên, bà T1 và anh N không thực hiện đầy đủ và cũng không có trách nhiệm với ông khi ông ốm đau và khi mất. Với thỏa thuận trên không có giá trị xác lập quyền sử dụng đất cho bà T1, do vậy không cần phải xác minh làm rõ diện tích ông M cho bà T1. Sau khi HĐXX không chấp nhận lời đề nghị tạm ngừng phiên tòa và đề nghị đại diện VKS phát biểu ý kiến quan điểm về nội dung vụ án, nhưng đại diện VKS không có ý kiến gì nên HĐXX tiếp tục xét xử theo thủ tục chung.

1.2. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 5 Điều 26; Điểm a, Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện: Ông Phạm Ngọc M chết năm 2016, bà Nguyễn Thị Ph chết năm 2007. Tháng 6/2017, bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông M, bà Ph. Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà H là trong thời hiệu được quyền khởi kiện.

1.4. Về năng lực hành vi dân sự của bà T1:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T2 giao nộp cho Tòa án bản tóm tắt bệnh án điều trị nội trú của bà T1 do Bệnh viện tâm thần tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 11/4/2017 (bản phô tô), Giấy xác nhận khuyết tật của bà T1 được UBND xã ĐH cấp ngày 23/02/2018 (bản phô tô). Trong các tài liệu này, thể hiện bà T1 bị bệnh chính là rối loạn khí sắc thực tổn, bệnh kèm theo là động kinh. Bà T1 được cấp cấp giấy xác nhận khuyết tật, dạng khuyết tật: Thần kinh - Tâm thần. HĐXX xét

thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà T1 rất nhiều lần đến Tòa án làm việc và đề hỏi xem bà bị bệnh như thế nào, nếu có thì đề nghị đi giám định và cử người đại diện tham gia tố tụng. Tuy nhiên, bà T1 không đến Tòa theo giấy triệu tập. Tòa án đã đến tại gia đình gặp gỡ xác minh nhưng, bà T1 cố tình trốn tránh nên không tiến hành làm việc được. Trong các tài liệu nêu trên không có kết luận bà T1 không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Tòa án đã tiến hành xác minh tại các hộ dân hàng xóm của gia đình bà T1 và Trưởng thôn DL, xã ĐH. Kết quả xác minh thể hiện bà T1 hoàn toàn bình thường, không có biểu hiện bị bệnh tâm thần, hằng ngày bà T1 vẫn ở nhà trông cháu cho các con đi làm. Do đó, không có căn cứ khẳng định bà T1 bị mất năng lực hành vi dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

2.1. *Về thời điểm mở thừa kế*: Bà Nguyễn Thị Ph chết ngày 20/5/2007, ông Phạm Ngọc M chết ngày 25/9/2016. Căn cứ khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự, thời điểm mở thừa kế của bà Ph là ngày 20/5/2007, thời điểm mở thừa kế của ông M là ngày 25/9/2016.

2.2. *Về yêu cầu chia thừa kế và xác định di sản thừa kế*:

Bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông M, bà Ph là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 20 (bản đồ địa chính xã ĐH năm 2013), địa chỉ: Thôn DL, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Bà H xin nhận phần thừa kế là đất. Bà T2 đồng ý chia di sản thừa kế và xin nhận giá trị bằng tiền không nhận đất. Bà T1, anh N, chị B không đồng ý chia thừa kế với lý do: Toàn bộ đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà T1, ông V. Bà T1, ông V đã sử dụng đất 30 năm nay, được UBND huyện cấp Giấy CNQSDĐ năm 2007. Việc UBND huyện Yên Định hủy giấy CNQSDĐ cấp cho ông V, bà T1 là không đúng pháp luật.

Xét lời trình bày của bà T1, anh N, chị B, HĐXX xét thấy: Bà T1, anh N, chị B khẳng định thửa đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông V, bà T1 nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Bà T1, anh N, chị B cho rằng thửa đất đã được cấp Giấy CNQSDĐ số AI 139739 UBND cấp ngày 16/8/2007 cho hộ ông Phạm Đức V. Tuy nhiên, Giấy CNQSDĐ này đã bị hủy, theo quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND huyện Yên Định. Sau khi ông V được cấp Giấy CNQSDĐ, ông M đã khiếu nại đến UBND huyện Yên Định về việc cấp Giấy CNQSDĐ cho ông V là sai. Ngày 31/7/2012, UBND huyện đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1139/QĐ-UBND chấp nhận khiếu nại của ông M là đúng, quyết định thu hồi Giấy CNQSDĐ số AI 139739 cấp ngày 16/8/2007. UBND huyện yêu cầu bà T1 nộp lại Giấy CNQSDĐ nhưng bà T1 cố tình không nộp. Vì vậy UBND huyện Yên Định phải ra quyết định hủy Giấy

CNQSDĐ số AI 139739 với lý do: UBND xã ĐH trình UBND huyện Yên Định cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Phạm Đức Viết không đúng với nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất và người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chết.

Theo kết quả xác minh của UBND huyện Yên Định thể hiện trong quyết định giải quyết khiếu nại số 1139/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 và kết quả xác minh của Tòa án tại UBND xã ĐH, huyện Yên Định, nguồn gốc thửa đất tranh chấp như sau: Thửa đất tranh chấp được Nhà nước cấp cho hộ ông Phạm Ngọc M và bà Nguyễn Thị Ph năm 1968, để xây dựng nhà ở. Cùng năm đó, ông M, bà Ph đã xây dựng ngôi nhà cấp bốn 05 gian trên thửa đất được cấp. Khi ông V lập gia đình cũng ở trên mảnh đất này. Theo bản đồ 299 xã ĐH lập năm 1985, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 5, diện tích 690m², đứng tên chủ sử dụng đất là ông Phạm Đức V. Theo hồ sơ địa chính xã ĐH lập năm 2002, thửa đất số 245, tờ bản đồ số 3, diện tích 765m², đứng tên chủ sử dụng đất là ông Phạm Đức V. Theo bản đồ địa chính xã ĐH đo đạc năm 2013, thửa đất số 281, tờ bản đồ số 20, diện tích 817m². Tại biên bản hòa giải thành ngày 25/5/2012 do UBND xã ĐH tổ chức, bà T1 đã thừa nhận nguồn gốc đất là của ông M. Tại quyết định giải quyết khiếu nại số 1139/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của UBND huyện Yên Định đã khẳng định quyền sử dụng đất thửa số 245, tờ bản đồ số 3 (bản đồ địa chính xã ĐH lập năm 2002) nguồn gốc chủ sử dụng thực tế là ông Phạm Ngọc M, không phải ông Phạm Đức V. Vì vậy, việc UBND huyện Yên Định quyết định hủy Giấy CNQSDĐ số AI 139739 cấp cho hộ ông V là có căn cứ. Ý kiến của bà T1, anh N và chị B khẳng định thửa đất thuộc quyền sở hữu của ông V, bà T1 là không có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở để khẳng định thửa đất số 231, tờ bản đồ số 20 (bản đồ địa chính xã ĐH năm 2013), địa chỉ: Thôn DL, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là di sản thừa kế của ông Phạm Ngọc M và bà Nguyễn Thị Ph. Trước khi chết ông M, bà Ph không để lại di chúc. Vì vậy, yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Phạm Thị H là có căn cứ chấp nhận.

Về diện tích thửa đất có sự chênh lệch về số liệu trong hồ sơ địa chính xã ĐH năm 1985, 2002, 2013 và đo đạc thực tế. Vì vậy, diện tích thửa đất là di sản thừa kế được tính theo số liệu đo đạc thực tế mới nhất ngày 26/8/2020 là 775,6m². Giá trị quyền sử dụng đất là $775,6\text{m}^2 \times 300.000\text{đ}/\text{m}^2 = 232.680.000\text{đ}$.

Đối với ngôi nhà cấp bốn 05 gian lợp ngói do ông M, bà Ph xây dựng từ năm 1968 và bức tường rào đá vôi ở phía Tây giáp hộ ông Giáo - Đoàn: Theo thẩm định thực tế ngày 26/8/2020, ngôi nhà đã dột nát, sắp đổ, không còn giá trị, bức tường rào đã cũ, không còn giá trị. Bà H không yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản này. Vì vậy, xác định ngôi nhà cấp bốn 05 gian lợp ngói và bức tường rào đá vôi ở phía Tây không phải là di sản thừa kế để chia.

2.3. *Về diện thừa kế:* Ông Phạm Ngọc M và bà Nguyễn Thị Ph có 02 người con là ông Phạm Đức V và bà Phạm Thị H, không có con riêng, không có con nuôi. Sau khi bà Ph chết, ông M kết hôn với bà Trần Thị T2.

Hàng thừa kế thứ nhất của bà Ph bao gồm ông M và 02 người con là ông Phạm Đức V và bà Phạm Thị H. Ông V chết sau bà Ph nên vợ và con của ông V là bà T1, anh N, chị B, chị D1, chị D2 được hưởng phần thừa kế của ông V (thừa kế chuyển tiếp).

Hàng thừa kế thứ nhất của ông M bao gồm 03 người là: Bà Trần Thị T2, ông Phạm Đức V và bà Phạm Thị H. Ông V chết trước ông M nên 04 người con của ông V là anh N, chị B, chị D1, chị D2 được hưởng phần thừa kế của ông V (thừa kế thế vị).

2.4. *Về trích công sức duy trì, bảo quản di sản:* Bà T1 không đồng ý chia thừa kế nên không yêu cầu trích công sức duy trì, bảo quản di sản thừa kế. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy: Bà T1 đã ở trên đất từ năm 1979 đến nay, có công duy trì, bảo quản di sản thừa kế và đóng tiền thuế đất hàng năm. Vì vậy cần trích công sức cho bà T1 một phần thỏa đáng, bằng 100m² đất là phù hợp.

2.5. *Về kỹ phân thừa kế:*

Di sản thừa kế của ông M, bà Ph là thửa đất diện tích 775,6m².

Trích công sức duy trì, bảo quản tài sản cho bà T1 là 100m², có giá trị là 30.000.000đ.

Phần di sản thừa kế còn lại sau khi trích công sức cho bà T1 là 675,6m². Trong đó phần di sản thừa kế của ông M là 337,8m², phần di sản thừa kế của bà Ph là 337,8m².

Phần di sản thừa kế của bà Ph là 337,8m² chia cho 03 kỹ phần thừa kế là ông V, bà H, ông M, mỗi người được hưởng 112,6m². Phần thừa kế ông V được hưởng chia đều cho 05 người là bà T1, anh N, chị B, chị D1, chị D2, mỗi người được chia 22,5m².

Phần di sản của ông M sau khi cộng thêm phần thừa kế được hưởng của bà Ph là $337,8\text{m}^2 + 112,6\text{m}^2 = 450,4\text{m}^2$. Phần di sản của ông M được chia cho 03 kỹ phần thừa kế là ông V, bà H và bà T2, mỗi người được hưởng 150,1m². Phần thừa kế của ông V được chia đều cho 04 người con là anh N, chị B, chị D1, chị D2, mỗi người được chia 37,5m².

Phần di sản mỗi người thừa kế được chia như sau:

- Bà Phạm Thị H được chia 262,7m², trị giá là 78.810.000đ.
- Bà Phạm Thị T1 được chia (đã bao gồm phần trích công sức) là 122,5m², trị giá là 36.750.000đ.
- Bà Trần Thị T2 được chia 150,1m², trị giá là 45.030.000đ.

- Anh Phạm Hoài N, chị Phạm Thị B, chị Phạm Thị D1, chị Phạm Thị D2, mỗi người được chia $60m^2$, trị giá là 18.000.000đ.

2.6. *Về phương án chia hiện vật*: Tại phiên tòa, bà H yêu cầu nhận phần đất phía Bắc giáp hộ ông Cầu - Nga có ngôi nhà cấp bốn cũ, phần đất bà T1 đã xây tường bao thì giao cho bà T1. Bà T2 không có nguyện vọng được nhận đất, chỉ nhận giá trị phần thừa kế bà T2 được hưởng.

HĐXX xét thấy: Bà T1 đã xây dựng nhà cửa, công trình kiên cố, tường rào bao quanh và đang sử dụng ổn định phần đất phía Nam giáp đường thôn có diện tích $387m^2$. Nên giao cho bà T1 sở hữu phần đất này là hợp lý. Diện tích phần đất này nhiều hơn phần thừa kế bà T1 được hưởng. Tuy nhiên, phần đất này có công trình kiên cố nên không thể cắt ra để chia đất cho những người thừa kế khác. Các con của bà T1 đều đã lập gia đình, không cần thiết phải chia đất. Nên giao phần đất của các con bà T1 được hưởng cho bà T1 sử dụng. Các con bà T1 nhận giá trị phần thừa kế được hưởng. Nếu phần đất giao cho bà T1 vẫn còn dư thì chuyển từ phần đất của bà T2 sang cho bà T1, bà T1 phải thanh toán giá trị phần dư cho bà T2.

Bà H có nguyện vọng nhận phần đất phía Bắc để xây dựng nhà thờ, nên giao cho bà H phần đất này là hợp lý. Diện tích phần đất này nhiều hơn phần thừa kế bà H được hưởng. Phần đất còn dư là phần đất của bà T2 chuyển sang cho bà H. Bà H là phải thanh toán giá trị phần đất dư cho bà T2.

Từ sự phân tích trên, sau khi xem xét, đánh giá toàn diện nội dung vụ án, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các đương sự HĐXX xác định phương án phân chia di sản thừa kế, cụ thể như sau:

Giao cho bà T1 quyền sử dụng đất đối với phần đất phía Nam giáp đường thôn có các cạnh: Cạnh phía Bắc giáp phần đất chia cho bà H dài 23,6m; cạnh phía Nam giáp đường thôn dài 25,7m, cạnh phía Đông giáp đường thôn (có ruộng nước) dài 13,5m; cạnh phía Tây giáp hộ ông Giáo - Đoàn dài 17,9m; tổng diện tích là $387m^2$; phần đất này bà T1 đã xây dựng công trình kiên cố và có tường rào bao quanh (Hình S1 trong sơ đồ thẩm định thửa đất Tòa án lập ngày 26/7/2020 - Bút lục số 262). Trong phần đất giao cho bà T1 có phần đất của 04 người con được hưởng, mỗi người là $60m^2$ và một phần đất của bà T2 được hưởng là $24,5m^2$. Bà T1 có trách nhiệm thanh toán giá trị phần đất 04 con của bà T1 và bà T2 được hưởng, cụ thể: Thanh toán cho anh Phạm Hoài N, chị Phạm Thị B, chị Phạm Thị D1, chị Phạm Thị D2, mỗi người 18.000.000đ. Thanh toán cho bà T2 7.350.000đ.

Giao cho bà H quyền sử dụng đất đối với phần đất còn lại về phía Bắc giáp hộ ông Cầu - Nga, có các cạnh: Cạnh phía Bắc giáp hộ ông Cầu - Nga dài 21,5m;

cạnh phía Nam giáp phần đất giao cho bà T1 dài 23,6m; cạnh phía Đông giáp đường thôn (có mương nước) dài 18m; cạnh phía Tây giáp hộ ông Giáo - Đoàn dài 14,9; góc phía Tây Bắc của thửa đất có phần lõm vào cạnh dài 1,2m; tổng diện tích là 388,6m² (Hình S2 trong sơ đồ thẩm định thửa đất Tòa án lập ngày 26/7/2020 - Bút lục số 262). Trong phần đất giao cho bà H có một phần đất của bà T2 được hưởng là 125,6m². Bà H có trách nhiệm thanh toán cho bà T2 37.680.000đ. Tại phiên tòa bà T2 và bà H thống nhất thỏa thuận: Phần đất của bà được chia 150,1m², trong đó có phần diện tích 125,6 m² nằm trên phần đất chia cho bà H trị giá 37.680.000đ. Bà T2 chỉ nhận của bà H 10.000.000đ, số còn lại cho bà H. Việc giao nhận tiền đã thực hiện xong.

2.7. *Về chi phí thẩm định, định giá:* Bà H đã nộp số tiền tạm ứng chi phí thẩm định và định giá. Sau khi thẩm định tài sản (02 lần) và định giá chi phí hết 9.100.000đ. Số tiền này chia cho các thừa kế tương ứng với phần tài sản họ được chia. Các đương sự phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản cụ thể như sau: Bà H phải chịu 3.100.000đ; Bà T1 phải chịu 1.440.000đ; Bà T2 phải chịu 1.760.000đ; Anh N, chị B, chị D1, chị D2 mỗi người phải chịu 700.000đ. Bà T1 có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà H 1.440.000đ. Bà T2 có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà H 1.760.000đ. Anh N, chị B, chị D1, chị D2 mỗi người phải hoàn trả lại cho bà H 700.000đ.

Tại phiên tòa, bà T2 và bà H thỏa thuận bà T2 đã hoàn trả xong cho bà H số tiền chi phí thẩm định, định giá là 1.760.000đ.

2.8. *Về án phí:* Bà H, bà T1 và bà T2 là người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14, bà H, bà T1 và bà T2 được miễn tiền án phí. Anh N, chị B, chị D1, chị D2 mỗi người phải chịu số tiền án phí là 18.000.000đ x 5% = 900.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 BLDS; Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 164, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Phạm Thị H.

- Xác nhận di sản thừa kế của ông Phạm Ngọc M và bà Nguyễn Thị Ph để lại là thửa đất số 231, tờ bản đồ số 20 (bản đồ địa chính xã ĐH năm 2013), diện tích 775,6m², địa chỉ: Thôn DL, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Tổng giá trị di sản là 232.680.000đ.

- Xác nhận diện hưởng thừa kế của bà Nguyễn Thị Ph có 03 người: Ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Đức V, bà Phạm Thị H. Ông V chết sau bà Ph, nên vợ ông V là bà Phạm Thị T1 và 04 người con của ông V là anh Phạm Hoài N, chị Phạm Thị B, chị Phạm Thị D1, chị Phạm Thị D2 được hưởng phần thừa kế của ông V.

- Xác nhận diện hưởng thừa kế của ông Phạm Ngọc M có 03 người: Ông Phạm Đức V, bà Phạm Thị H và bà Trần Thị T2. Ông V chết trước ông M, nên chỉ 04 người con của ông V là anh Phạm Hoài N, chị Phạm Thị B, chị Phạm Thị D1, chị Phạm Thị D2 được hưởng phần thừa kế của ông V.

- Trích công sức duy trì, bảo quản di sản cho bà Phạm Thị T1 là 100m² đất, trị giá 30.000.000đ.

- Kỷ phần thừa kế: Các thừa kế được hưởng di sản có giá trị như sau:

+ Bà Phạm Thị H được chia 262,7m², trị giá là 78.810.000đ.

+ Bà Phạm Thị T1 được chia 122,5m², trị giá là 36.750.000đ.

+ Bà Trần Thị T2 được chia 150,1m², trị giá là 45.030.000đ.

+ Anh Phạm Hoài N, chị Phạm Thị B, chị Phạm Thị D1, chị Phạm Thị D2, mỗi người được chia 60m², trị giá là 18.000.000đ.

- Chia phần hiện vật cụ thể:

Chấp nhận nguyện vọng của bà H nhận phần đất phía Bắc giáp hộ ông Cầu - Nga. Chấp nhận nguyện vọng của bà T2 nhận giá trị phần thừa kế được hưởng, không nhận đất.

Giao cho bà T1 quyền sử dụng đất đối với phần đất phía Nam giáp đường thôn có các cạnh: Cạnh phía Bắc giáp phần đất chia cho bà H dài 23,6m; cạnh phía Nam giáp đường thôn dài 25,7m, cạnh phía Đông giáp đường thôn (có nương nước) dài 13,5m; cạnh phía Tây giáp hộ ông Giáo - Đoàn dài 17,9m; tổng diện tích là 387m²; phần đất này bà T1 đã xây dựng công trình kiên cố và có tường rào bao quanh (Hình S1 trong sơ đồ thẩm định thửa đất Tòa án lập ngày 26/7/2020 - Bút lục số 262).

Giao cho bà H quyền sử dụng đất đối với phần đất còn lại về phía Bắc giáp hộ ông Cầu - Nga, có các cạnh: Cạnh phía Bắc giáp hộ ông Cầu - Nga dài 21,5m; cạnh phía Nam giáp phần đất giao cho bà T1 dài 23,6m; cạnh phía Đông giáp đường thôn (có nương nước) dài 18m; cạnh phía Tây giáp hộ ông Giáo - Đoàn dài 14,9; góc phía Tây Bắc của thửa đất có phần lõm vào cạnh dài 1,2m; tổng diện

tích là 388,6m² (Hình S2 trong sơ đồ thẩm định thửa đất Tòa án lập ngày 26/7/2020 - Bút lục số 262).

Bà T1 chịu trách nhiệm thanh toán cho anh Phạm Hoài N, chị Phạm Thị B, chị Phạm Thị D1, chị Phạm Thị D2, mỗi người 18.000.000đ; thanh toán cho bà T2 7.350.000đ (*Bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà H chịu trách nhiệm thanh toán cho bà T2 37.680.000đ (*Ba bảy triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng*). Ghi nhận bà T2 và bà H đã thỏa thuận thanh toán xong phần giá trị di sản thừa kế mà bà H phải trả cho bà T2 và số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản mà bà T2 phải hoàn trả cho bà H.

- Chi phí thẩm định, định giá: Bà T1 có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà H 1.440.000đ chi phí thẩm định, định giá. Bà T2 có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà H 1.760.000đ chi phí thẩm định, định giá (đã thanh toán xong). Anh N, chị B, chị D1, chị D2 mỗi người phải hoàn trả lại cho bà H 700.000đ chi phí thẩm định, định giá.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án số tiền trên, nếu bên phải thi hành không chịu thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi suất, theo mức lãi suất quy định tại điều 357 BLDS.

Bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị T1 có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị T1 và bà Trần Thị T2. Anh Phạm Hoài N, chị Phạm Thị B, chị Phạm Thị D1, chị Phạm Thị D2, mỗi người phải chịu 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà H 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số AA/2015/0003545 ngày 01/6/2017.

- Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho bà H và bà T2 trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với bà T1, anh N, chị B, chị D1, chị D2 vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng